TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 14-5-2019
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tấn

2. Ông Hoàng Minh Tân

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Đinh Văn Bim, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Ngày 14 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 65/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Tường V, sinh năm 1996; địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Bị đơn: Anh Lê Vĩnh N, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn P, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Chị V có đơn xin xét xử vắng mặt; anh N vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15-02-2019 và các lời trình bày khác trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị Tường V trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Vĩnh N tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi ngày 23 tháng 10 năm 2017. Trong quá trình chung sống, giữa chị và anh Lê Vĩnh N phát sinh nhiều mâu thuẫn, hay cãi nhau, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh N có tính độc đoán, hay chửi bới, xúc phạm và đánh đập chị nhiều lần, ngay cả khi chị đang mang thai. Chị đã nhiều lần thuyết phục nhưng anh N vẫn không thay đổi nên chị đã bỏ về nhà cha mẹ đẻ sống và ly thân với anh N khi chị đang mang thai được 05 tuần. Nay, chị xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, tình

cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Vĩnh N.

- Về con chung: Chị và anh Lê Vĩnh N có 01 (một) con chung là cháu Lê Phạm Gia H, sinh ngày 25 tháng 11 năm 2018. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Lê Phạm Gia H, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con nhưng anh N trình bày tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đồng thì chị đồng ý.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh Lê Vĩnh N không có tài sản chung, nợ chung.

Tại bản tự khai ngày 07-3-2019, bị đơn anh Lê Vĩnh N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Phạm Thị Tường V được hai bên gia đình tổ chức đám cưới vào ngày 29-10-2017. Trong quá trình chung sống, giữa vợ chồng anh có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về tính cách, chị V bỏ nhà đi khi đang mang thai được 05 tuần. Nay anh vẫn còn tình cảm với chị V nên không muốn ly hôn, nhưng nếu chị V vẫn cương quyết xin ly hôn thì anh đồng ý.

- Về con chung: Anh và chị Phạm Thị Tường V có 01 (một) con chung là cháu Lê Phạm Gia H, sinh ngày 25 tháng 11 năm 2018. Khi ly hôn, nếu chị V không nuôi con thì anh xin được nuôi, nếu chị V nuôi con thì anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đồng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại thời điểm chị Phạm Thị Tường V khởi kiện thì anh Lê Vĩnh N đang cư trú tại Thôn P, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi thụ lý giải quyết vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" giữa chị Phạm Thị Tường V và anh Lê Vĩnh N là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do; nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Phạm Thị Tường V và anh Lê Vĩnh N tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi và đã được Ủy ban

nhân dân xã N cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 23 tháng 10 năm 2017. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị Tường V và anh Lê Vĩnh N là hợp pháp.

Theo trình bày của nguyên đơn chị Phạm Thị Tường V thì trong quá trình chung sống giữa chị và anh N phát sinh nhiều mâu thuẫn, hay cãi nhau, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh N có tính độc đoán, hay chửi bới, xúc phạm và đánh đập chị, chị đã nhiều lần thuyết phục nhưng anh N vẫn không thay đổi. Nay, chị không còn tình cảm vợ chồng với anh N nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh N để ổn định cuộc sống.

Tại bản tự khai ngày 07-3-2019, anh Lê Vĩnh N cũng thừa nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng về tính cách và cách sống, chị V bỏ nhà đi khi đang mang thai được 05 tuần. Nay anh vẫn còn tình cảm với chị V nên không muốn ly hôn, nhưng nếu chị V vẫn cương quyết xin ly hôn thì anh đồng ý.

Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Thẩm phán đã phân tích, hòa giải đoàn tụ nhiều lần nhưng chị V xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh N và cương quyết xin ly hôn. Anh N trình bày vẫn còn tình cảm với chị V nhưng khi Tòa án tổ chức hòa giải để vợ chồng đoàn tụ thì anh N không tham gia.

Xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng chị V, anh N đã trầm trọng, vợ chồng không còn thương yêu, chăm sóc lẫn nhau và đã sống ly thân trong một thời gian dài. Đây là một trong những căn cứ để Tòa án giải quyết cho ly hôn theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, chị Phạm Thị Tường V yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Lê Vĩnh N là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Căn cứ vào trình bày của các bên đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có căn cứ xác định: Chị Phạm Thị Tường V và anh Lê Vĩnh N có 01 (một) con chung là cháu Lê Phạm Gia H, sinh ngày 25 tháng 11 năm 2018.

Xét yêu cầu về nuôi con của chị V, Hội đồng xét xử thấy rằng: Từ khi cháu H được sinh ra đến nay thì chị V là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hiện nay cháu H mới hơn 05 tháng tuổi nên rất cần sự chăm sóc của người mẹ. Do đó, để đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho con chung của chị V và anh N, căn cứ khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử giao cháu Lê Phạm Gia H cho chị Phạm Thị Tường V trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Mặc dù trong đơn khởi kiện, cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, chị Phạm Thị Tường V không yêu cầu anh Lê Vĩnh N phải cấp dưỡng nuôi con, nhưng tại bản tự khai ngày 07-3-2019, anh Lê Vĩnh N trình bày nếu chị V nuôi con thì anh N đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đồng. Xét thấy việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên sau khi ly hôn là quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ. Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Do đó, việc anh N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đồng là phù hợp với quy định của pháp luật và đạo đức xã hội, bảo đảm được quyền lợi cho con chưa thành niên nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phạm Thị Tường V và anh Lê Vĩnh N trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí:

Chị Phạm Thị Tường V phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị V đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0000420 ngày 05 tháng 3 năm 2019.

Anh Lê Vĩnh N phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, các điều 144, 147, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Tường V được ly hôn anh Lê Vĩnh N.

2. Về con chung: Chị Phạm Thị Tường V và Lê Vĩnh N có 01 (một) con chung là cháu Lê Phạm Gia H, sinh ngày 25 tháng 11 năm 2018 (hiện đang sống với chị V). Giao cháu Lê Phạm Gia H cho chị Phạm Thị Tường V trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Lê Vĩnh N đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Lê Phạm Gia H mỗi tháng 1.000.000đồng (một triệu đồng). Thời điểm cấp dưỡng nuôi con được tính từ tháng 5 năm 2019 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phạm Thị Tường V và Lê Vĩnh N trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

6. Về án phí:

Chị Phạm Thị Tường V phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị V đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành

phố Quảng Ngãi theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0000420 ngày 05 tháng 3 năm 2019.

Anh Lê Vĩnh N phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

7. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

8. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND Tp. Quảng Ngãi;
- Chi Cục THADS Tp. Quảng Ngãi;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Phong